

Số: 190/BC-THXN

Xuân Trường, ngày 30 tháng 5 năm 2026

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2025 - 2026 và phương hướng nhiệm vụ năm học 2026 - 2027

Thực hiện Hướng dẫn số 775/SGDDĐT-GDTH ngày 12/9/2025 của Sở GDĐT Ninh Bình về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học năm học 2025-2026;

Căn cứ Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2025-2026 của Trường Tiểu học Xuân Ninh;

Căn cứ kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2025-2026 của nhà trường.

Trường Tiểu học Xuân Ninh báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2025-2026 và phương hướng nhiệm vụ năm học 2026-2027 như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Quy mô trường lớp, đội ngũ

* Tổng số lớp: 33 lớp.

* Tổng số học sinh đầu năm: 1076 học sinh; cuối năm: 1077 học sinh.
(Chuyển đến: 05 học sinh; Chuyển đi: 04 học sinh).

Khu	Khối 1		Khối 2		Khối 3		Khối 4		Khối 5		Cộng	
	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS
Khu A	3	98	3	107	4	122	3	100	4	115	17	542
Khu B	3	100	4	117	3	102	3	108	3	108	16	535
Cộng	6	198	7	224	7	224	6	208	7	223	33	1077

- Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên: 56 người. (Trong đó: CBQL: 03; GV: 51; NV: 04).

- Nhà trường tổ chức dạy học 2 buổi/ngày đối với 100% lớp học; tổ chức bán trú cho học sinh đảm bảo an toàn, đúng quy định.

2. Thuận lợi và khó khăn

* Thuận lợi

- Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của UBND xã Xuân Trường, Sở GDĐT Ninh Bình cùng các cấp lãnh đạo địa phương.

- Đội ngũ cán bộ, giáo viên có tinh thần trách nhiệm, đoàn kết, tích cực đổi mới phương pháp dạy học, ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong quản lý, giảng dạy.

- Cơ sở vật chất cơ bản đáp ứng yêu cầu tổ chức dạy học 2 buổi/ngày và triển khai Chương trình GDPT 2018.

- Phụ huynh học sinh quan tâm, phối hợp tốt với nhà trường trong công tác giáo dục học sinh.

- Nhà trường có truyền thống đoàn kết, nề nếp chuyên môn ổn định, chất lượng giáo dục được duy trì và nâng cao.

*** Khó khăn:**

- Đội ngũ giáo viên Âm nhạc còn thiếu so với định mức.

- Số học sinh khuyết tật học hòa nhập, học sinh tự kỷ, tăng động có xu hướng gia tăng gây khó khăn trong công tác nâng cao chất lượng giáo dục đại trà.

- Một bộ phận phụ huynh chưa thực sự quan tâm đến việc học tập, rèn luyện của con em.

- Chưa có khu nhà ăn, ngủ riêng cho học sinh bán trú.

- Một số giáo viên còn hạn chế trong việc ứng dụng các công nghệ AI, công nghệ số mới vào dạy học.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ GIÁO DỤC HỌC KÌ I

1. Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và kế hoạch giáo dục nhà trường

- Thực hiện Công văn số 775/SGDDĐT-GDTH của Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Bình về hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học năm học 2025-2026, Trường Tiểu học Xuân Ninh đã chủ động xây dựng và triển khai kế hoạch giáo dục nhà trường bảo đảm đúng quy định, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất và đặc điểm học sinh.

- Nhà trường tổ chức quán triệt đầy đủ các văn bản chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo, các cấp quản lý giáo dục đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên; đồng thời xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học theo hướng cụ thể, rõ người, rõ việc, rõ tiến độ thực hiện và phù hợp với yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông.

1.1. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường

- Ngay từ đầu năm học, nhà trường đã chỉ đạo các tổ chuyên môn căn cứ Chương trình giáo dục phổ thông 2018, hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học và điều kiện thực tiễn của đơn vị để xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch dạy học các môn học và hoạt động giáo dục bảo đảm tính khoa học, linh hoạt và khả thi.

- Việc xây dựng kế hoạch giáo dục được thực hiện theo hướng phát huy quyền chủ động của nhà trường và giáo viên trong tổ chức thực hiện chương trình; bảo đảm thực hiện đầy đủ nội dung giáo dục bắt buộc, đồng thời linh hoạt điều chỉnh kế hoạch dạy học phù hợp với đặc điểm học sinh, tình hình thực tế của từng lớp học và điều kiện tổ chức dạy học của nhà trường.

- Nhà trường đã ban hành đầy đủ các kế hoạch chuyên môn, kế hoạch giáo dục theo chủ đề, kế hoạch kiểm tra nội bộ, chuyển đổi số, giáo dục STEM, giáo dục kỹ năng sống, công tác y tế trường học, giáo dục hòa nhập, công tác thư viện, giáo dục ngoài giờ lên lớp, tư vấn tâm lý học đường, giáo dục an toàn giao thông, phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống đuối nước và các kế hoạch chuyên đề khác theo quy định.

- Các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch hoạt động cụ thể theo tháng, học kỳ; duy trì nền nếp sinh hoạt chuyên môn định kỳ; thực hiện rà soát, điều chỉnh nội dung dạy học phù hợp với yêu cầu cần đạt của chương trình, chú trọng các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục đại trà và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu.

- Ban giám hiệu tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện chương trình, thời khóa biểu, nền nếp chuyên môn; thường xuyên dự giờ, kiểm tra hồ sơ chuyên môn, tư vấn hỗ trợ giáo viên nhằm bảo đảm chất lượng thực hiện chương trình giáo dục phổ thông.

1.2. Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018

- Năm học 2025-2026, nhà trường tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình GDPT 2018 đối với 100% học sinh từ lớp 1 đến lớp 5 theo đúng hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Bình.

- Nhà trường thực hiện nghiêm túc kế hoạch thời gian năm học, đảm bảo đủ 35 tuần thực học, thực hiện đúng, đủ nội dung chương trình các môn học và hoạt động giáo dục; không cắt xén chương trình, không gây áp lực học tập đối với học sinh.

- Việc tổ chức dạy học được thực hiện theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh; chú trọng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh thông qua các hoạt động học tập, trải nghiệm, thực hành, vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

- Nhà trường tiếp tục triển khai hiệu quả nội dung Giáo dục địa phương (tài liệu tỉnh Nam Định cũ), tích hợp linh hoạt trong các môn học và hoạt động giáo dục; tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, giáo dục bảo vệ môi trường, giáo dục an toàn giao thông, phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống đuối nước, giáo dục quyền trẻ em, giáo dục công dân số phù hợp với lứa tuổi học sinh tiểu học.

- Đối với học sinh khuyết tật học hòa nhập, nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân phù hợp với năng lực và nhu cầu của từng học sinh; tăng cường phối hợp giữa giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn và cha mẹ học sinh nhằm hỗ trợ học sinh tiến bộ.

1.3. Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày và bán trú

- Nhà trường duy trì tổ chức dạy học 2 buổi/ngày đối với 100% lớp học, bảo đảm thực hiện đầy đủ chương trình giáo dục theo quy định; đồng thời tạo điều kiện tăng cường các hoạt động giáo dục nhằm phát triển toàn diện học sinh.

+ Buổi sáng thực hiện chương trình giáo dục bắt buộc theo quy định; bảo đảm nội dung cốt lõi của các môn học và hoạt động giáo dục.

+ Buổi chiều tập trung tổ chức các hoạt động bổ trợ, củng cố kiến thức, rèn kỹ năng, giáo dục kỹ năng sống, hoạt động trải nghiệm, đọc sách tại thư viện, giáo dục STEM, tăng cường Tin học, Tiếng Anh và hỗ trợ học sinh còn gặp khó khăn trong học tập.

- Việc xây dựng thời khóa biểu được thực hiện khoa học, phù hợp tâm sinh lý lứa tuổi học sinh; bảo đảm cân đối giữa học tập và vui chơi, giữa các môn học và hoạt động giáo dục; hạn chế gây áp lực học tập cho học sinh.

- Nhà trường tiếp tục tổ chức bán trú cho học sinh bảo đảm an toàn, đúng quy định; quan tâm công tác vệ sinh an toàn thực phẩm, chăm sóc sức khỏe học sinh và phối hợp chặt chẽ với cha mẹ học sinh trong công tác quản lý, giáo dục học sinh bán trú.

1.4. Thực hiện giáo dục STEM, giáo dục kỹ năng sống và giáo dục công dân số

- Nhà trường tiếp tục triển khai giáo dục STEM theo định hướng của Bộ Giáo dục và Đào tạo; khuyến khích giáo viên vận dụng linh hoạt các nội dung STEM trong tổ chức dạy học, nhất là ở các môn Toán, Tin học, Khoa học, Công nghệ và hoạt động trải nghiệm.

- Các hoạt động giáo dục STEM được triển khai thông qua bài học trên lớp, hoạt động trải nghiệm sáng tạo, sản phẩm học tập theo chủ đề và các sân chơi trí tuệ; từng bước hình thành cho học sinh năng lực tư duy logic, sáng tạo, giải quyết vấn đề và vận dụng kiến thức vào thực tiễn. Tổ chức thành công Ngày hội Stem cấp trường bao gồm các hoạt động: Thi thực hành làm sản phẩm Stem, trưng bày các sản phẩm Stem và biểu diễn thời trang tái chế.

- Nhà trường chú trọng giáo dục kỹ năng sống cho học sinh thông qua các hoạt động giáo dục trong và ngoài giờ lên lớp; tăng cường kỹ năng giao tiếp, hợp tác, tự phục vụ, phòng tránh nguy cơ mất an toàn, kỹ năng ứng xử văn minh trong môi trường học đường và môi trường số.

- Từ tuần 24 của năm học, nhà trường phối hợp với đơn vị liên kết tổ chức dạy học Kỹ năng sống 2 tiết/tuần, nhận được sự đồng thuận cao của phụ huynh học sinh và bước đầu mang lại hiệu quả tích cực trong giáo dục kỹ năng cho học sinh.

- Cùng với đó, giáo dục công dân số được tích hợp trong các hoạt động học tập và môn Tin học; học sinh được hướng dẫn kỹ năng sử dụng Internet an toàn, khai thác thông tin phù hợp lứa tuổi, ứng xử có văn hóa trên môi trường số.

1.5. Đánh giá việc thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018

a) Ưu điểm

- Nhà trường chủ động, linh hoạt trong xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục phù hợp điều kiện thực tế; bảo đảm thực hiện đầy đủ chương trình theo quy định.

- Việc triển khai Chương trình GDPT 2018 được thực hiện nghiêm túc, nề nếp, đúng tiến độ; chất lượng giáo dục cơ bản ổn định.

- Hoạt động giáo dục STEM, giáo dục kỹ năng sống, giáo dục công dân số từng bước được triển khai hiệu quả.

- Công tác quản lý, kiểm tra, giám sát thực hiện chương trình được tăng cường; đội ngũ giáo viên có tinh thần trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.

b) Hạn chế

- Việc xây dựng kế hoạch bài dạy theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực ở một số giáo viên còn chưa thật sự linh hoạt; việc tổ chức hoạt động học cho học sinh ở một số giờ học chưa thật sự hiệu quả.

- Mức độ triển khai giáo dục STEM giữa các khối lớp chưa đồng đều; việc khai thác thiết bị dạy học, học liệu số ở một số giáo viên còn hạn chế.

- Điều kiện cơ sở vật chất phục vụ tổ chức bán trú và hoạt động trải nghiệm còn gặp khó khăn nhất định.

c) Nguyên nhân

- Một bộ phận giáo viên còn gặp khó khăn trong việc tiếp cận và vận dụng các phương pháp dạy học mới, công nghệ số và AI trong tổ chức dạy học.

- Điều kiện cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ một số hoạt động giáo dục chưa thật sự đồng bộ.

- Một số cha mẹ học sinh chưa quan tâm thường xuyên đến việc phối hợp giáo dục học sinh ngoài giờ học.

2. Nâng cao chất lượng đội ngũ, đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá

Xác định đội ngũ giáo viên là nhân tố quyết định chất lượng giáo dục, trong năm học 2025-2026, nhà trường tiếp tục quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên đáp ứng yêu cầu triển khai Chương trình GDPT 2018; đồng thời tăng cường đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

2.1. Công tác xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ

- Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên của nhà trường cơ bản đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ năm học và triển khai Chương trình GDPT 2018. Đa số giáo viên có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; có tinh thần trách nhiệm, đoàn kết, tích cực đổi mới chuyên môn, ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giảng dạy.

- Nhà trường tiếp tục thực hiện hiệu quả công tác bồi dưỡng đội ngũ theo hướng chuẩn hóa, nâng cao năng lực nghề nghiệp, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

- Giáo viên được tạo điều kiện tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn do Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo, các cấp quản lý giáo dục tổ chức; đồng thời triển khai hiệu quả công tác bồi dưỡng thường xuyên tại đơn vị. Nội dung bồi dưỡng tập trung vào:

- + Thực hiện Chương trình GDPT 2018;
- + Đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh;
- + Thực hiện đánh giá học sinh tiểu học theo Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT;
- + Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, học liệu số trong dạy học;
- + Tập huấn thiết kế bài giảng điện tử, thiết bị dạy học số, khai thác nền tảng học tập trực tuyến và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong giáo dục.

- Nhà trường duy trì nền nếp sinh hoạt chuyên môn theo tổ/khối; tăng cường dự giờ, thao giảng, hội giảng, sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học; chú trọng công tác tư vấn, hỗ trợ giáo viên trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.

- Giáo viên tích cực tự học, tự bồi dưỡng, nghiên cứu tài liệu chuyên môn, khai thác kho học liệu điện tử, nền tảng dạy học trực tuyến nhằm nâng cao năng lực nghề nghiệp và chất lượng giảng dạy.

*** Kết quả các phong trào thi đua chuyên môn**

Nhằm tạo động lực đổi mới sáng tạo trong đội ngũ giáo viên, nhà trường tổ chức hiệu quả các phong trào thi đua, hội thi chuyên môn gắn với yêu cầu thực hiện Chương trình GDPT 2018.

- *Hội thi Giáo viên dạy giỏi cấp trường* được tổ chức nghiêm túc, đúng quy định; tập trung đánh giá năng lực chuyên môn, kỹ năng tổ chức hoạt động học và khả năng vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học tích cực theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

Giáo viên tham gia hội thi có sự đầu tư công phu về kế hoạch bài dạy, thiết bị dạy học, ứng dụng công nghệ thông tin và đổi mới hình thức tổ chức lớp học. Kết quả, 14 giáo viên được công nhận danh hiệu Giáo viên dạy giỏi cấp trường, góp phần phát hiện, nhân rộng các điển hình tiên tiến trong đổi mới phương pháp dạy học.

- *Cuộc thi Thiết bị dạy học số cấp trường*, khuyến khích giáo viên thiết kế học liệu điện tử, video bài giảng, trò chơi học tập, bài giảng tương tác và các sản phẩm phục vụ chuyển đổi số trong giáo dục.

Các sản phẩm dự thi cơ bản đảm bảo tính khoa học, tính thực tiễn, phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý học sinh tiểu học và có khả năng ứng dụng trực tiếp trong dạy học. Kết quả, 05/10 sản phẩm đạt giải Thiết bị dạy học số cấp trường, nhiều sản phẩm được đưa vào sử dụng hiệu quả trong giảng dạy và chia sẻ trong toàn trường.

- Phong trào nghiên cứu khoa học, viết sáng kiến tiếp tục được duy trì và phát triển. Giáo viên tích cực nghiên cứu thực tiễn giảng dạy, đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục, đổi mới công tác quản lý và tổ chức dạy học.

Kết quả: 11 sáng kiến được Hội đồng khoa học cấp xã xem xét, đánh giá và công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng tại cơ sở; 04 sáng kiến được lựa chọn tham gia dự thi cấp tỉnh.

Các nội dung sáng kiến tập trung vào đổi mới phương pháp dạy học, ứng dụng CNTT, chuyển đổi số, nâng cao chất lượng môn học, giáo dục kỹ năng sống, hỗ trợ học sinh gặp khó khăn trong học tập và tổ chức các hoạt động giáo dục phù hợp với thực tiễn nhà trường.

2.2. Đổi mới phương pháp dạy học

- Nhà trường chỉ đạo giáo viên thực hiện nghiêm túc đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh; tăng cường tổ chức các hoạt động học tập nhằm phát triển năng lực tự học, giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề và vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

- Giáo viên toàn trường chủ động xây dựng kế hoạch bài dạy theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực; tích hợp giáo dục kỹ năng sống, giáo dục địa phương, giáo dục STEM, giáo dục công dân số và các nội dung liên môn phù hợp với từng môn học, từng khối lớp.

- Trong quá trình tổ chức dạy học, giáo viên tích cực vận dụng linh hoạt các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học như:

- + Dạy học theo nhóm, dạy học hợp tác;
- + Dạy học trải nghiệm, thực hành;
- + Dạy học giải quyết vấn đề;
- + Tổ chức trò chơi học tập, hoạt động khám phá, vận dụng;
- + Sử dụng sơ đồ tư duy, kỹ thuật khăn trải bàn, mảnh ghép và các kỹ thuật dạy học tích cực khác;
- + Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, video bài giảng, học liệu số trong tổ chức hoạt động học.

- Nhà trường tiếp tục đẩy mạnh chuyển đổi số trong dạy học; khuyến khích giáo viên xây dựng bài giảng điện tử, khai thác hiệu quả kho học liệu số, ứng dụng nền tảng số và các công cụ hỗ trợ dạy học nhằm nâng cao chất lượng giờ học.

- Phong trào học tập trên nền tảng OLM tiếp tục được duy trì hiệu quả. Trong năm học, có 41 giáo viên thực hiện giao bài trên hệ thống OLM với tổng số 9.648 bài giao, trong đó 7.169 bài có tỷ lệ học sinh tham gia từ 70% trở lên, góp phần củng cố kiến thức, tăng cường khả năng tự học và từng bước hình thành năng lực học tập trên môi trường số cho học sinh.

- Nhà trường duy trì hiệu quả hoạt động thao giảng, hội giảng, chuyên đề cấp trường; tăng cường dự giờ, tư vấn chuyên môn, hỗ trợ giáo viên đổi mới phương pháp dạy học gắn với sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học.

2.3. Đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá học sinh

Nhà trường tiếp tục thực hiện nghiêm túc việc đánh giá học sinh theo Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; chỉ đạo giáo viên thực hiện đúng quy định về đánh giá thường xuyên và đánh giá định kỳ, bảo đảm khách quan, công bằng, vì sự tiến bộ của học sinh.

a) Đánh giá thường xuyên

- Giáo viên thực hiện đánh giá thường xuyên thông qua quan sát quá trình học tập và rèn luyện của học sinh; đánh giá qua sản phẩm học tập, hoạt động thực hành, hỏi đáp, nhận xét trực tiếp; tăng cường hình thức học sinh tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau.

- Việc nhận xét học sinh được thực hiện theo hướng động viên, khích lệ, giúp học sinh nhận diện điểm mạnh, hạn chế và có giải pháp khắc phục; hạn chế tạo áp lực đối với học sinh và cha mẹ học sinh.

- Giáo viên thực hiện đầy đủ việc cập nhật nhận xét, đánh giá học sinh trên hệ thống quản lý nhà trường, đảm bảo tính chính xác và đồng bộ dữ liệu với cơ sở dữ liệu ngành.

b) Đánh giá định kỳ

- Nhà trường tổ chức kiểm tra định kỳ nghiêm túc, đúng quy trình; thực hiện xây dựng đề kiểm tra theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh, đảm bảo chuẩn kiến thức, kỹ năng và yêu cầu cần đạt của chương trình.

- Nhà trường tiếp tục đổi mới hình thức kiểm tra, đánh giá thông qua việc tổ chức kiểm tra trên máy tính đối với các môn: Tiếng Anh, Tin học, Công nghệ, Khoa học, Lịch sử và Địa lí, góp phần nâng cao kỹ năng số cho học sinh, tăng tính khách quan, chính xác trong đánh giá kết quả học tập.

- Việc tổ chức kiểm tra cuối học kỳ và cuối năm học được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định; kết quả kiểm tra phản ánh tương đối sát chất lượng học tập của từng khối lớp, là cơ sở để nhà trường xây dựng các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục.

2.4. Ưu điểm, hạn chế

a) Ưu điểm

- Đội ngũ giáo viên cơ bản đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình GDPT 2018; có tinh thần trách nhiệm, tích cực đổi mới chuyên môn và tự học, tự bồi dưỡng.

- Công tác bồi dưỡng đội ngũ, sinh hoạt chuyên môn, thao giảng, hội giảng được duy trì nền nếp và từng bước đi vào chiều sâu.

- Việc đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá có chuyển biến tích cực; giáo viên bước đầu khai thác hiệu quả học liệu số, nền tảng dạy học trực tuyến.

- Các phong trào thi đua chuyên môn, hội thi giáo viên, sáng kiến và thiết bị dạy học số được triển khai hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ.

b) Hạn chế

- Năng lực chuyên môn giữa các giáo viên chưa thật sự đồng đều; việc đổi mới phương pháp dạy học ở một số giáo viên chưa rõ nét.

- Một số giáo viên còn hạn chế trong ứng dụng công nghệ mới, đặc biệt là AI, học liệu số và các phần mềm hỗ trợ dạy học hiện đại.

- Việc vận dụng Thông tư 27 trong đánh giá năng lực đặc thù của học sinh ở một số giáo viên còn gặp khó khăn; sự phối hợp giữa giáo viên chủ nhiệm và giáo viên chuyên ở một số lớp chưa thật sự chặt chẽ.

- Việc khai thác thiết bị dạy học và tổ chức hoạt động vận dụng, trải nghiệm trong một số giờ học chưa đạt hiệu quả như mong muốn.

c) Nguyên nhân

- Một bộ phận giáo viên còn tâm lý thận trọng trong tiếp cận phương pháp dạy học mới và công nghệ số.

- Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị hỗ trợ chuyển đổi số còn chưa đồng bộ.

- Áp lực công việc chuyên môn lớn ảnh hưởng đến thời gian nghiên cứu, tự học, tự bồi dưỡng của giáo viên.

3. Tổ chức dạy học Ngoại ngữ, Tin học, tổ chức triển khai STEM và giáo dục công dân số

Thực hiện nhiệm vụ năm học 2025-2026, nhà trường tiếp tục triển khai hiệu quả việc dạy học Ngoại ngữ, Tin học, triển khai giáo dục STEM và giáo dục công dân số theo định hướng của Chương trình GDPT 2018; từng bước nâng cao năng lực ngoại ngữ, năng lực số, tư duy khoa học và kỹ năng thích ứng của học sinh trong bối cảnh chuyển đổi số giáo dục.

3.1. Tổ chức dạy học Tiếng Anh

- Nhà trường triển khai dạy học Tiếng Anh đúng quy định của Chương trình GDPT 2018.

+ Lớp 1, 2: Tổ chức dạy Tiếng Anh tự chọn 2 tiết/tuần.

+ Lớp 3, 4, 5: Thực hiện dạy học Tiếng Anh bắt buộc 4 tiết/tuần.

- Nhà trường đẩy mạnh các hoạt động giao lưu, sân chơi Tiếng Anh như IOE, luyện nói Tiếng Anh qua video, hoạt động trải nghiệm,...

- Kết quả chất lượng môn Tiếng Anh năm học 2025 - 2026:

+ Kết quả kiểm tra cuối học kì II môn Tiếng Anh:

Khối lớp	Điểm bình quân	Tỉ lệ điểm trên TB	Tỉ lệ điểm Khá-Giỏi	Tỉ lệ điểm giỏi	
				SL	%
Khối 3	8,39	91,32	82,69	135	61,93
Khối 4	7,21	88,70	67,87	64	32,00
Khối 5	7,05	87,38	58,69	67	30,88

+ Kết quả đánh giá, xếp loại cuối năm môn Tiếng Anh

Khối	Số HS	Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành	
		Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
Khối 3	224	154	68,75	70	31,25	0	0
Khối 4	208	122	58,65	86	41,35	0	0
Khối 5	223	114	51,12	109	48,88	0	0
Toàn trường	655	390	59,54	265	40,46	0	0

3.2. Tổ chức dạy học Tin học và Công nghệ:

- 100% học sinh các khối lớp được tham gia học Tin học theo chương trình; học sinh lớp 1, 2 được làm quen với máy tính và kỹ năng công dân số.

- Nhà trường tăng cường đầu tư cơ sở vật chất phòng máy, bổ sung thiết bị phục vụ dạy học Tin học và kiểm tra trực tuyến.

- Kết quả chất lượng môn Tin học- Công nghệ năm học 2025 - 2026:

+ Kết quả kiểm tra cuối học kì II môn Tin học-Công nghệ

Khối lớp	Điểm bình quân		Tỉ lệ điểm trên TB		Tỉ lệ điểm Khá-Giỏi		Tỉ lệ điểm giỏi			
	Tin học	Công nghệ	Tin học	Công nghệ	Tin học	Công nghệ	Tin học		Công nghệ	
							SL	%	SL	%
Khối 3	8,14	7,93	95,99	97,35	81,60	84,86	135	61,93	135,00	61,93
Khối 4	7,21	8,15	90,58	98,48	68,14	90,03	64	32,00	64,00	32,00
Khối 5	8,73	9,05	98,59	99,06	92,55	96,74	67	30,88	67,00	30,88

+ Kết quả đánh giá, xếp loại cuối năm môn Tin học- Công nghệ:

Khối	Số HS	Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành	
		Tin học	Công nghệ	Tin học	Công nghệ	Tin học	Công nghệ
Khối 3	225	64,73	78,13	35,27	21,88	0	0
Khối 4	209	60,10	81,73	39,90	18,27	0	0
Khối 5	223	72,65	76,23	27,35	23,77	0	0
Toàn trường	657	65,82	78,70	34,18	21,30	0	0

- Tỷ lệ học sinh đạt điểm trên trung bình cao ở các khối lớp; nhiều lớp đạt chất lượng tốt.

- Học sinh có kỹ năng sử dụng máy tính, thao tác chuột và học tập trên nền tảng trực tuyến tốt hơn so với các năm học trước.

3.3. Triển khai giáo dục STEM

- Nhà trường tiếp tục triển khai giáo dục STEM theo định hướng của Bộ Giáo dục và Đào tạo, gắn với thực hiện Chương trình GDPT 2018 và điều kiện thực tế của đơn vị.

- Giáo viên chủ động lồng ghép, tích hợp nội dung STEM trong các môn học như Toán, Khoa học, Tin học, Công nghệ và Hoạt động trải nghiệm; chú trọng tổ chức các hoạt động thực hành, khám phá, vận dụng kiến thức liên môn vào giải quyết các tình huống thực tiễn.

- Các hoạt động STEM được triển khai linh hoạt thông qua:

+ Bài học STEM trong các tiết học;

+ Hoạt động trải nghiệm sáng tạo theo chủ đề;

+ Sản phẩm học tập thực hành;

+ Ngày hội STEM và các sân chơi khoa học kỹ thuật phù hợp với học sinh tiểu học.

- Thông qua giáo dục STEM, học sinh từng bước hình thành năng lực tư duy logic, sáng tạo, giải quyết vấn đề, kỹ năng hợp tác và khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

- Nhà trường đồng thời khuyến khích giáo viên nghiên cứu, thiết kế thiết bị dạy học số, học liệu trực quan, sản phẩm ứng dụng phục vụ dạy học STEM, góp phần nâng cao hiệu quả giờ học và tạo hứng thú học tập cho học sinh.

3.4. Giáo dục công dân số và an toàn trên môi trường mạng

- Nhà trường tiếp tục tăng cường giáo dục công dân số cho học sinh thông qua môn Tin học, hoạt động trải nghiệm, sinh hoạt lớp, sinh hoạt dưới cờ và các hoạt động giáo dục khác phù hợp với lứa tuổi học sinh tiểu học.

- Nội dung giáo dục tập trung vào:

+ Kỹ năng sử dụng thiết bị số an toàn, hiệu quả;

+ Kỹ năng tìm kiếm, khai thác thông tin phù hợp lứa tuổi;

+ Nhận diện các nguy cơ mất an toàn trên môi trường mạng;

+ Giáo dục ứng xử văn minh, có trách nhiệm trên không gian mạng;

+ Hình thành ý thức bảo vệ thông tin cá nhân và sử dụng Internet an toàn.

- Giáo viên chủ nhiệm và giáo viên Tin học tăng cường phối hợp với cha mẹ học sinh trong quản lý, định hướng học sinh sử dụng thiết bị điện tử và Internet đúng mục đích, góp phần phòng ngừa các nguy cơ ảnh hưởng tiêu cực đến tâm lý, hành vi và kết quả học tập của học sinh.

3.5. Ưu điểm, hạn chế

a) Ưu điểm

- Việc tổ chức dạy học Tiếng Anh, Tin học được thực hiện đúng kế hoạch, bảo đảm chất lượng và yêu cầu chương trình.

- Giáo viên tích cực đổi mới phương pháp dạy học, tăng cường ứng dụng CNTT, học liệu số và nền tảng học tập trực tuyến.

- Giáo dục STEM và giáo dục công dân số từng bước được triển khai hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường.

- Học sinh tích cực tham gia các sân chơi trí tuệ, giao lưu học tập và bước đầu hình thành kỹ năng học tập trên môi trường số.

b) Hạn chế

- Điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ dạy học Tin học và STEM còn có mặt hạn chế; việc tổ chức hoạt động trải nghiệm STEM ở một số lớp chưa đồng đều.

- Một số học sinh kỹ năng tự học, sử dụng công nghệ thông tin còn hạn chế; việc phối hợp quản lý học sinh sử dụng thiết bị điện tử ngoài nhà trường đôi lúc chưa hiệu quả.

- Một số giáo viên còn gặp khó khăn trong thiết kế học liệu số, bài học STEM và khai thác hiệu quả công nghệ mới trong tổ chức dạy học.

c) Nguyên nhân

- Điều kiện trang thiết bị, học liệu phục vụ dạy học STEM và chuyển đổi số còn chưa thật sự đồng bộ.

- Trình độ ứng dụng công nghệ của đội ngũ giáo viên chưa đồng đều.

- Một bộ phận cha mẹ học sinh chưa thường xuyên phối hợp trong quản lý việc học tập của học sinh trên môi trường số.

4. Thực hiện giáo dục toàn diện, giáo dục kỹ năng sống và xây dựng môi trường giáo dục an toàn

- Nhà trường xác định giáo dục toàn diện là nhiệm vụ trọng tâm nhằm phát triển hài hòa phẩm chất, năng lực học sinh; chú trọng giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, thể chất, thẩm mỹ, kỹ năng thích ứng và xây dựng môi trường giáo dục an toàn, thân thiện, hạnh phúc.

- Trong năm học 2025-2026, Trường Tiểu học Xuân Ninh tiếp tục triển khai đồng bộ các hoạt động giáo dục toàn diện theo định hướng Chương trình GDPT 2018, gắn giáo dục kiến thức với rèn luyện kỹ năng, hình thành phẩm chất và phát triển năng lực học sinh.

4.1. Giáo dục đạo đức, lối sống và kỹ năng sống

- Nhà trường chú trọng giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh thông qua các môn học, hoạt động trải nghiệm, sinh hoạt lớp, sinh hoạt dưới cờ và các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp.

- Nội dung giáo dục tập trung vào:

- + Giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa địa phương và lòng yêu quê hương, đất nước;

- + Giáo dục đạo đức, kỹ năng giao tiếp, ứng xử văn minh trong trường học;
- + Giáo dục kỹ năng tự phục vụ, tự bảo vệ bản thân, phòng chống bạo lực học đường;
- + Giáo dục an toàn giao thông, phòng chống đuối nước, phòng chống cháy nổ, phòng chống tai nạn thương tích;
- + Giáo dục bảo vệ môi trường, tiết kiệm năng lượng và xây dựng nếp sống văn minh.

- Nhà trường tổ chức hiệu quả các hoạt động theo chủ điểm, ngày lễ lớn trong năm học như: Khai giảng năm học mới; Tết Trung thu; Ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11; Thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam 22/12; Hoạt động mừng Đảng, mừng Xuân; Ngày thành lập Đoàn TNCS Hồ Chí Minh 26/3; Các hoạt động giáo dục truyền thống địa phương.

- Thông qua các hoạt động trải nghiệm, học sinh được rèn luyện kỹ năng giao tiếp, hợp tác, làm việc nhóm, giải quyết tình huống, nâng cao ý thức trách nhiệm với bản thân, gia đình và cộng đồng.

- Từ tuần 24 của năm học, nhà trường phối hợp với đơn vị liên kết tổ chức dạy học Kỹ năng sống 2 tiết/tuần, góp phần nâng cao kỹ năng giao tiếp, ứng xử, tự bảo vệ bản thân, kỹ năng phòng tránh nguy cơ mất an toàn và khả năng thích ứng trong cuộc sống cho học sinh.

4.2. Thực hiện mô hình trường học xanh - sạch - đẹp - an toàn

- Nhà trường tiếp tục duy trì và nâng cao hiệu quả mô hình “Trường học xanh - sạch - đẹp - an toàn”, xây dựng môi trường giáo dục thân thiện, tích cực, góp phần hình thành ý thức giữ gìn vệ sinh, bảo vệ môi trường cho học sinh.

- Các khuôn viên trường học tại hai khu được chăm sóc thường xuyên; cây xanh, bồn hoa, khu trải nghiệm được bổ sung, cải tạo; lớp học được trang trí phù hợp với đặc điểm lứa tuổi học sinh, bảo đảm tính giáo dục, thẩm mỹ và tạo môi trường học tập thân thiện.

- Nhà trường duy trì nền nếp vệ sinh trường lớp; phân công chăm sóc cây xanh, bồn hoa; tổ chức các hoạt động tuyên truyền bảo vệ môi trường, tiết kiệm điện nước, phân loại rác thải, góp phần hình thành thói quen sống xanh cho học sinh.

- Công tác bảo đảm an toàn trường học được đặc biệt quan tâm; nhà trường xây dựng kế hoạch, phương án phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống cháy nổ, phòng chống dịch bệnh, bảo đảm an ninh trường học và an toàn cho học sinh trong mọi hoạt động giáo dục.

- Nhà trường thực hiện nghiêm túc công tác kiểm tra cơ sở vật chất, hệ thống điện, nước, thiết bị dạy học, khu vực sân chơi, khu bán trú nhằm kịp thời phát hiện, khắc phục nguy cơ mất an toàn trong trường học.



4.3. Phát triển văn hóa đọc

- Nhà trường tiếp tục phát huy hiệu quả mô hình thư viện thân thiện, khai thác hiệu quả thư viện nhà trường, thư viện lớp học và tủ sách dùng chung nhằm phát triển văn hóa đọc trong nhà trường.

- Phong trào đọc sách được duy trì thường xuyên thông qua nhiều hoạt động phong phú như:

- + Tăng cường các sản phẩm viết, vẽ sau tiết đọc thư viện;
- + Giới thiệu sách dưới cờ;
- + Tuyên truyền hưởng ứng Ngày Sách và Văn hóa đọc Việt Nam;
- + Thi kể chuyện theo sách;
- + Xây dựng video giới thiệu sách;
- + Hoạt động “Mỗi tuần một cuốn sách hay”.

- Giáo viên và học sinh tích cực tham gia xây dựng video giới thiệu sách, kể chuyện theo sách; nhiều sản phẩm được đăng tải trên website, fanpage của nhà trường, tạo hiệu ứng tích cực trong học sinh và phụ huynh.

- Thông qua tiết đọc thư viện, học sinh từng bước hình thành thói quen đọc sách, kỹ năng tự học, mở rộng hiểu biết và phát triển năng lực ngôn ngữ.

4.4. Hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao

- Nhà trường tiếp tục quan tâm phát triển giáo dục thể chất, thẩm mỹ; tổ chức đa dạng các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao nhằm nâng cao sức khỏe, tinh thần đoàn kết và phát triển năng khiếu học sinh.

- Các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao được tổ chức gắn với các ngày lễ lớn, hoạt động trải nghiệm, giao lưu học sinh và phong trào thi đua của nhà trường.

- Nhà trường duy trì nề nếp tập thể dục giữa giờ, hoạt động thể thao học đường; khuyến khích học sinh tham gia các môn thể thao phù hợp với điều kiện thực tế.

- Công tác phát hiện, bồi dưỡng học sinh có năng khiếu văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao được quan tâm; học sinh tích cực tham gia các cuộc thi, giao lưu cấp trường, cấp xã, cấp tỉnh và đạt nhiều kết quả tích cực.

4.5. Công tác y tế trường học, chăm sóc sức khỏe học sinh

- Nhà trường thực hiện nghiêm túc công tác y tế trường học; phối hợp với cơ sở y tế địa phương triển khai các hoạt động chăm sóc sức khỏe ban đầu cho học sinh.

- Công tác tuyên truyền phòng chống dịch bệnh, vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm được thực hiện thường xuyên. Nhà trường tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho học sinh theo quy định; theo dõi, quản lý sức khỏe học sinh, đặc biệt đối với học sinh có hoàn cảnh đặc biệt hoặc sức khỏe hạn chế.

- Công tác phòng chống dịch bệnh theo mùa, phòng chống dịch bệnh học đường được triển khai chủ động, không để xảy ra dịch bệnh lớn trong nhà trường.

4.6. Ưu điểm, hạn chế

a) Ưu điểm

- Các hoạt động giáo dục toàn diện được triển khai đồng bộ, phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý học sinh tiểu học.

- Giáo dục kỹ năng sống, giáo dục đạo đức, truyền thống, văn hóa đọc và hoạt động trải nghiệm được duy trì hiệu quả.

- Môi trường giáo dục xanh - sạch - đẹp - an toàn tiếp tục được giữ vững; công tác bảo đảm an toàn trường học được quan tâm thực hiện tốt.

- Học sinh tích cực tham gia hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, từng bước phát triển năng khiếu và kỹ năng xã hội.

b) Hạn chế

- Một số hoạt động trải nghiệm, kỹ năng sống chưa thật sự phong phú do điều kiện cơ sở vật chất và kinh phí tổ chức còn hạn chế.

- Việc phối hợp giữa gia đình và nhà trường trong giáo dục kỹ năng tự bảo vệ bản thân, quản lý học sinh ngoài giờ học có thời điểm chưa thật sự hiệu quả.

- Điều kiện sân chơi, bãi tập và một số trang thiết bị phục vụ hoạt động trải nghiệm còn hạn chế.

c) Nguyên nhân

- Điều kiện kinh phí tổ chức các hoạt động giáo dục trải nghiệm còn khó khăn.

- Một bộ phận cha mẹ học sinh chưa thường xuyên phối hợp trong giáo dục kỹ năng sống và quản lý học sinh ngoài giờ học.

- Cơ sở vật chất phục vụ các hoạt động giáo dục toàn diện chưa thật sự đồng bộ.

5. Chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông giáo dục

Thực hiện chủ trương chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo, năm học 2025-2026, Trường Tiểu học Xuân Ninh tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT), chuyển đổi số trong quản lý, dạy học, kiểm tra đánh giá và truyền thông giáo dục; từng bước nâng cao hiệu quả quản trị nhà trường, chất lượng giáo dục và khả năng thích ứng với yêu cầu đổi mới giáo dục trong bối cảnh chuyển đổi số.

5.1. Công tác chuyển đổi số trong quản lý và điều hành

- Nhà trường xây dựng và triển khai kế hoạch chuyển đổi số năm học phù hợp với điều kiện thực tế; đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong công tác quản lý, điều hành, xử lý công việc hành chính và lưu trữ hồ sơ.

- Công tác quản lý nhà trường được thực hiện thông qua các phần mềm quản lý chuyên ngành, góp phần nâng cao hiệu quả quản trị, giảm hồ sơ giấy, bảo đảm tính khoa học, minh bạch và thuận tiện trong khai thác dữ liệu.

- Nhà trường thực hiện nghiêm túc việc cập nhật, đồng bộ dữ liệu trên cơ sở dữ liệu ngành; quản lý đầy đủ thông tin đội ngũ, học sinh, kết quả học tập, hồ sơ chuyên môn theo quy định.

- Việc trao đổi thông tin, chỉ đạo điều hành giữa Ban giám hiệu với giáo viên được thực hiện thông qua các nền tảng số, góp phần nâng cao hiệu quả xử lý công việc, giảm thời gian hội họp hành chính và tăng tính kịp thời trong triển khai nhiệm vụ.

- Giáo viên tích cực sử dụng hồ sơ điện tử, cập nhật kế hoạch giảng dạy, nhận xét đánh giá học sinh trên hệ thống quản lý nhà trường, bảo đảm tính đầy đủ, chính xác và đồng bộ dữ liệu.

5.2. Ứng dụng công nghệ thông tin và học liệu số trong dạy học

- Nhà trường tiếp tục chỉ đạo giáo viên tăng cường ứng dụng CNTT trong tổ chức dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; khuyến khích giáo viên khai thác hiệu quả học liệu số, bài giảng điện tử, video học tập, phần mềm hỗ trợ và nền tảng học trực tuyến.

- Giáo viên tích cực sử dụng ti vi thông minh, học liệu điện tử và các phần mềm hỗ trợ nhằm tăng tính trực quan, tạo hứng thú học tập cho học sinh và nâng cao hiệu quả giờ học.

- Phong trào học tập trên nền tảng OLM tiếp tục được duy trì và phát huy hiệu quả. Trong năm học, có 41 giáo viên thực hiện giao bài trên hệ thống OLM với tổng số 9.648 bài giao, trong đó 7.169 bài có tỷ lệ học sinh tham gia từ 70% trở lên, góp phần củng cố kiến thức, tăng cường khả năng tự học và từng bước hình thành năng lực học tập trên môi trường số cho học sinh.

- Giáo viên tích cực xây dựng và chia sẻ bài giảng điện tử, ngân hàng câu hỏi, video bài giảng, học liệu trực tuyến phục vụ công tác dạy học và ôn tập cho học sinh.

- Nhà trường khuyến khích giáo viên bước đầu nghiên cứu, khai thác và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong thiết kế bài giảng, xây dựng học liệu, tổ chức hoạt động học và hỗ trợ kiểm tra đánh giá theo hướng phù hợp với đặc điểm học sinh tiểu học.

5.3. Đổi mới kiểm tra, đánh giá trên nền tảng số

- Nhà trường tiếp tục đẩy mạnh đổi mới hình thức kiểm tra, đánh giá thông qua ứng dụng công nghệ số; từng bước nâng cao năng lực số cho học sinh và tăng tính khách quan, chính xác trong đánh giá kết quả học tập.

- Trong năm học, nhà trường thực hiện kiểm tra trên máy tính đối với các môn: Tiếng Anh, Tin học, Công nghệ, Khoa học, Lịch sử và Địa lí, giúp học sinh làm quen với hình thức kiểm tra hiện đại, đồng thời góp phần nâng cao kỹ năng sử dụng thiết bị số trong học tập.

- Việc tổ chức kiểm tra, đánh giá trên môi trường số được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định; dữ liệu kết quả học tập được lưu trữ, khai thác phục vụ công tác quản lý, đánh giá chất lượng giáo dục và điều chỉnh kế hoạch dạy học.

5.4. Thiết bị dạy học số và phát triển học liệu số

- Nhà trường quan tâm thúc đẩy phong trào thiết kế, xây dựng học liệu số trong đội ngũ giáo viên; khuyến khích giáo viên tự làm thiết bị dạy học, xây dựng bài giảng điện tử, video bài giảng, trò chơi học tập và học liệu trực quan phục vụ giảng dạy.

- **Cuộc thi Thiết bị dạy học số cấp trường** được tổ chức hiệu quả, góp phần thúc đẩy tinh thần đổi mới, sáng tạo và chuyên đổi số trong đội ngũ giáo viên. Kết quả, 05 sản phẩm đạt giải Thiết bị dạy học số cấp trường, nhiều sản phẩm có tính ứng dụng cao, được khai thác hiệu quả trong dạy học và chia sẻ rộng rãi trong toàn trường.

5.5. Công tác truyền thông giáo dục

- Nhà trường tiếp tục tăng cường công tác truyền thông giáo dục nhằm nâng cao hiệu quả phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội; kịp thời tuyên truyền các hoạt động giáo dục, kết quả nổi bật và các phong trào thi đua của nhà trường.

- Website, fanpage và các kênh thông tin của nhà trường được duy trì hoạt động hiệu quả; thường xuyên cập nhật tin, bài, hình ảnh về hoạt động chuyên môn, các cuộc thi, hoạt động trải nghiệm, giáo dục kỹ năng sống, phong trào đọc sách và các hoạt động nổi bật khác.

- Giáo viên chủ nhiệm duy trì trao đổi thông tin thường xuyên với cha mẹ học sinh thông qua các nhóm liên lạc điện tử, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, giáo dục học sinh và phối hợp xử lý kịp thời các tình huống phát sinh.

- Công tác truyền thông góp phần lan tỏa hình ảnh nhà trường, tạo sự đồng thuận của phụ huynh và cộng đồng trong thực hiện nhiệm vụ giáo dục.

5.6. Ưu điểm, hạn chế

a) Ưu điểm

- Công tác chuyển đổi số được triển khai đồng bộ trong quản lý, dạy học và kiểm tra đánh giá.

- Giáo viên tích cực ứng dụng CNTT, học liệu số và nền tảng học tập trực tuyến trong giảng dạy.

- Phong trào thiết kế thiết bị dạy học số, học liệu điện tử và ứng dụng công nghệ trong giáo dục từng bước đi vào chiều sâu.

- Công tác truyền thông giáo dục được duy trì hiệu quả, tạo sự đồng thuận giữa nhà trường và cha mẹ học sinh.

b) Hạn chế

- Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị CNTT phục vụ chuyển đổi số còn chưa thật sự đồng bộ.

- Năng lực ứng dụng công nghệ số giữa giáo viên chưa đồng đều; một số giáo viên còn hạn chế trong khai thác học liệu số, AI và công cụ hỗ trợ dạy học hiện đại.

- Việc học tập trực tuyến, tự học trên nền tảng số của một bộ phận học sinh chưa thật sự thường xuyên, hiệu quả.

c) Nguyên nhân

- Điều kiện kinh phí đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị chuyên đổi số còn hạn chế.

- Một bộ phận giáo viên còn gặp khó khăn trong tiếp cận công nghệ mới và chuyển đổi phương thức dạy học.

- Sự phối hợp quản lý học sinh học tập trên môi trường số giữa gia đình và nhà trường có thời điểm chưa chặt chẽ.

6. Nâng cao chất lượng giáo dục và kết quả học sinh

- Năm học 2025-2026, nhà trường tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục; tập trung đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá, tăng cường ứng dụng CNTT, bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, hỗ trợ học sinh còn gặp khó khăn trong học tập nhằm bảo đảm chất lượng giáo dục toàn diện.

- Nhà trường chỉ đạo giáo viên xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp với từng đối tượng học sinh; thực hiện phân hóa trong tổ chức dạy học, chú trọng phát hiện, bồi dưỡng học sinh có năng khiếu và phụ đạo học sinh còn hạn chế về năng lực học tập.

- Công tác phối hợp giữa nhà trường và cha mẹ học sinh tiếp tục được tăng cường; giáo viên chủ nhiệm thường xuyên trao đổi thông tin về kết quả học tập, rèn luyện của học sinh, kịp thời hỗ trợ học sinh tiến bộ.

6.1. Chất lượng giáo dục đại trà

- Nhà trường thực hiện nghiêm túc việc đánh giá học sinh theo Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT; kết quả giáo dục phản ánh tương đối sát chất lượng học tập và rèn luyện của học sinh.

- Chất lượng giáo dục đại trà tiếp tục được duy trì ổn định; đa số học sinh có ý thức học tập, thực hiện tốt nội quy trường lớp, tích cực tham gia các hoạt động giáo dục.

* Kết quả:

- 100% học sinh lớp 5 hoàn thành chương trình tiểu học.

- 99,3% học sinh lớp 1, 2, 3, 4 hoàn thành chương trình lớp học.

- $535/1077 = 49,68\%$ học sinh đạt danh hiệu học sinh Xuất sắc và Tiêu biểu trong học tập và rèn luyện.

- Xếp loại giáo dục năm học 2025-2026:

Khối		HTXS	HTT	Hoàn thành	Chưa HT
Khối 1	Số lượng	99	3	90	6
	Tỉ lệ%	50,00%	1,52%	45,45%	3,03%

Khối 2	Số lượng	102	25	97	0
	Tỉ lệ%	45,54%	11,16%	43,30%	0,00%
Khối 3	Số lượng	58	56	110	0
	Tỉ lệ%	25,89%	26,05%	51,16%	0,00%
Khối 4	Số lượng	30	65	113	0
	Tỉ lệ%	14,42%	31,25%	54,33%	0,00%
Khối 5	Số lượng	50	47	126	0
	Tỉ lệ%	22,42%	21,08%	56,50%	0,00%
Toàn trường	Số lượng	339	196	536	6
	Tỉ lệ%	31,48%	18,20%	49,77%	0,56%

- Các phẩm chất, năng lực chủ yếu của học sinh được hình thành và phát triển tốt; tỷ lệ học sinh đạt mức Tốt ở các năng lực và phẩm chất chiếm tỷ lệ cao:

+ Kết quả xếp loại phẩm chất chủ yếu năm học 2025-2026:

Mức đạt được		Phẩm chất chủ yếu				
		Yêu nước	Nhân ái	Chăm chỉ	Trung thực	Trách nhiệm
Tốt	SL	1004	1003	933	991	960
	%	93,22%	93,13%	86,63%	92,01%	89,14%
Đạt	SL	73	74	143	86	116
	%	6,78%	6,87%	13,28%	7,99%	10,77%
Cần cố gắng	SL	0	0	1	0	1
	%	0%	0%	0,09%	0%	0,09%

+ Kết quả xếp loại Năng lực năm học 2025-2026:

Mức đạt được		Năng lực cốt lõi									
		Năng lực chung			Năng lực đặc thù						
		Tự chủ và tự học	Giao tiếp và hợp tác	GQVĐ và sáng tạo	Ngôn ngữ	Tính toán	Khoa học	Công nghệ	Tin học	Thẩm mỹ	Thể chất
Tốt	SL	902	913	868	860	767	825	509	429	857	883
	%	83,75	84,77	80,59	79,85	71,22	76,60	77,71	65,50	79,57	81,99
Đạt	SL	173	162	207	211	306	250	146	226	219	192
	%	16,06	15,04	19,22	19,59	28,41	23,21	22,29	34,50	20,33	17,83
Cần cố gắng	SL	2	2	2	6	4	2	0	0	1	2
	%	0,19	0,19	0,19	0,56	0,37	0,19	0,00	0,00	0,09	0,19

* Kết quả các môn học

- Tỷ lệ học sinh hoàn thành tốt ở nhiều môn học đạt cao:

Mức đạt được	Các môn học và hoạt động giáo dục												
	T. Việt	Toán	Khoa học	LS&ĐL	Ngoại ngữ	Đạo đức	TN&XH	Âm nhạc	Mĩ thuật	Công nghệ	Tin học	GD TC	HD TN
HT tốt	870	788	306	338	652	897	520	881	874	515	732	893	860
	80,78	73,17	71,00	78,42	60,54	83,29	80,50	81,80	81,15	78,63	67,97	82,92	79,85
HT	201	285	125	93	424	179	124	194	202	140	344	182	215
	18,66	26,46	29,00	21,58	39,37	16,62	19,20	18,01	18,76	21,37	31,94	16,90	19,96
CHT	6	4	0	0	1	1	2	2	1	0	1	2	2
	0,56	0,37	0,00	0,00	0,09	0,09	0,31	0,19	0,09	0,00	0,09	0,19	0,19

- Kết quả bài kiểm tra cuối năm môn Toán và Tiếng Việt cơ bản ổn định; nhiều lớp có chất lượng nổi bật, trong đó 19 lớp không có học sinh dưới trung bình cả hai môn. Cụ thể:

Khối lớp	Điểm bình quân		Điểm trên trung bình		Điểm Khá-Giỏi		Điểm Giỏi		Cả 2 môn TV và Toán trên TB		Cả 2 môn TV và Toán đạt điểm 9 trở lên	
	T. Việt	Toán	T. Việt	Toán	T. Việt	Toán	T. Việt	Toán	SL	%	SL	%
Khối 1	9,00	9,54	98,94	99,44	97,93	98,43	76,37	88,96	188	98,95	136	71,58
Khối 2	8,81	8,53	98,29	98,67	97,08	90,26	72,27	61,28	216	97,74	114	51,58
Khối 3	9,19	9,04	99,13	99,57	96,96	93,80	82,51	76,26	215	98,62	153	70,18
Khối 4	8,85	8,07	98,92	96,03	96,41	84,63	72,92	46,26	191	95,50	80	40,00
Khối 5	9,04	8,47	100	98,52	100	88,10	82,20	62,33	214	98,62	124	57,14

6.2. Công tác phát hiện, bồi dưỡng học sinh có năng khiếu

Nhà trường quan tâm công tác phát hiện, bồi dưỡng học sinh có năng khiếu thông qua kết quả học tập, các hoạt động giáo dục, sân chơi trí tuệ và hoạt động trải nghiệm.

Giáo viên chủ động xây dựng kế hoạch ôn luyện, bồi dưỡng học sinh theo từng lĩnh vực; tăng cường giao nhiệm vụ học tập, tổ chức câu lạc bộ, hướng dẫn học sinh tham gia các cuộc thi, giao lưu các cấp phù hợp với lứa tuổi học sinh tiểu học.

Công tác bồi dưỡng học sinh được thực hiện theo hướng khuyến khích sự tự tin, sáng tạo, không tạo áp lực thành tích; bảo đảm phát huy năng lực, sở trường và tạo cơ hội để học sinh được trải nghiệm, phát triển toàn diện.

6.3. Kết quả các cuộc thi, sân chơi trí tuệ và hoạt động giao lưu

Trong năm học 2025-2026, học sinh nhà trường tích cực tham gia các cuộc thi, sân chơi trí tuệ, hoạt động giao lưu cấp trường, cấp xã, cấp tỉnh và đạt nhiều kết quả tích cực, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục mũi nhọn và khẳng định vị thế của nhà trường.

a) Các cuộc thi, sân chơi:

Học sinh tích cực tham gia các sân chơi học tập trực tuyến và giao lưu kiến thức như: IOE (Olympic Tiếng Anh trên Internet); Tài năng Tiếng Anh, Trạng nguyên Tiếng Việt; Viết chữ Đúng và Đẹp, Vẽ tranh,.... Thông qua các sân chơi trí tuệ, học sinh được củng cố kiến thức, phát triển năng lực tự học, tư duy logic, kỹ năng công nghệ thông tin và sự tự tin trong học tập.

Kết quả đạt được:

Toàn trường có 269 HS đạt giải trong các cuộc thi cấp trường (gồm 24 giải Nhất, 40 giải Nhì, 82 giải Ba, 123 giải Khuyến khích); 16 HS đạt giải cấp xã (gồm 07 giải Ba, 9 giải Khuyến khích); 10 HS đạt giải cấp tỉnh (gồm 02 giải Nhì, 1 giải Ba, 7 giải Khuyến khích); 25 GCN cấp Quốc gia (IOE và Vẽ tranh). Cụ thể:

TT	Cuộc thi/sân chơi	Nhất	Nhì	Ba	KK	GCN	+
1	Tài năng Tiếng Anh cấp tỉnh	0	0	0	2	0	2
	Tài năng Tiếng Anh cấp Trường	1	1	1	12	0	15
2	Trạng nguyên Tiếng Việt cấp trường	8	10	33	47	0	98
3	Hội thi viết chữ Đúng và Đẹp cấp tỉnh	0	1	0	0	0	1
	Hội thi viết chữ Đúng và Đẹp cấp trường	9	15	23	31	0	78
4	Thi thể dục thể thao cấp xã	0	0	3	4	0	7
	Thi thể dục thể thao cấp trường	3	3	6	0	0	12
5	Olympic Tiếng Anh-IOE cấp Quốc gia					22	22
	Olympic Tiếng Anh-IOE cấp tỉnh	0	1	1	5	0	7
	Olympic Tiếng Anh-IOE cấp xã	0	0	4	5	0	9
	Olympic Tiếng Anh-IOE cấp trường	3	11	19	33	0	66
6	Vẽ tranh Quốc tế Toyota "Chiếc ô tô mơ ước"					3	3
+	Tổng số Giấy chứng nhận cấp QG	0	0	0	0	25	25
	Tổng số giải cấp Tỉnh	0	2	1	7	0	10
	Tổng số giải cấp xã	0	0	7	9	0	16
	Tổng số giải cấp trường	24	40	82	123	0	269

b) Hoạt động STEM, sáng tạo khoa học và trải nghiệm

- Nhà trường tiếp tục duy trì các hoạt động giáo dục STEM, sân chơi trải nghiệm sáng tạo; khuyến khích học sinh tham gia thiết kế sản phẩm học tập, mô hình STEM và hoạt động khám phá khoa học phù hợp với lứa tuổi.

- Học sinh tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm STEM, ngày hội STEM và các hoạt động sáng tạo STEM do nhà trường và các cấp tổ chức.

c) Hoạt động văn hóa, văn nghệ

- Nhà trường tích cực tổ chức và tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ gắn với các ngày lễ lớn, hoạt động trải nghiệm và phong trào thi đua của ngành.

- Học sinh tham gia tích cực các chương trình giao lưu văn nghệ, hội diễn tại trường và Hội làng; nhiều tiết mục chất lượng cao, góp phần giáo dục thẩm mỹ, bồi dưỡng năng khiếu và xây dựng môi trường giáo dục thân thiện.

d) Hoạt động thể dục thể thao

- Nhà trường tiếp tục quan tâm giáo dục thể chất, duy trì nền nếp tập luyện thể dục thể thao; tổ chức các hoạt động thể thao học đường, phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu.

- Học sinh tích cực tham gia các giải thi đấu thể thao học đường và hoạt động giao lưu thể thao các cấp, góp phần nâng cao sức khỏe, tinh thần đoàn kết và kỹ năng làm việc nhóm. Kết quả có 12 giải thể thao cấp trường, 7 giải thể dục thể thao cấp xã.

6.4. Đánh giá chung

a) Ưu điểm: Chất lượng giáo dục của nhà trường tiếp tục được duy trì ổn định; chất lượng đại trà được giữ vững, chất lượng mũi nhọn có chuyển biến tích cực. Học sinh tích cực tham gia các hoạt động giáo dục, các sân chơi trí tuệ, hoạt động trải nghiệm và đạt nhiều kết quả đáng ghi nhận.

b) Hạn chế: Bên cạnh đó, chất lượng giáo dục giữa các lớp chưa thật sự đồng đều; kỹ năng tự học, tự nghiên cứu của một bộ phận học sinh còn hạn chế; việc phối hợp quản lý học sinh học tập tại nhà ở một số gia đình chưa thường xuyên.

7. Tăng cường các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục

Nhà trường xác định việc bảo đảm các điều kiện thực hiện nhiệm vụ giáo dục là yếu tố quan trọng góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Trong năm học 2025-2026, Trường Tiểu học Xuân Ninh tiếp tục quan tâm đầu tư, khai thác và sử dụng hiệu quả các nguồn lực nhằm bảo đảm các điều kiện về đội ngũ, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, tài chính, thư viện, y tế trường học và môi trường giáo dục phục vụ thực hiện Chương trình GDPT 2018.

7.1. Công tác xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

- Nhà trường tiếp tục thực hiện rà soát, bố trí, phân công nhiệm vụ phù hợp với năng lực chuyên môn, vị trí việc làm và yêu cầu thực tế của đơn vị; phát huy tinh thần trách nhiệm, tính chủ động, sáng tạo của đội ngũ trong thực hiện nhiệm vụ.

- Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên cơ bản đáp ứng yêu cầu triển khai Chương trình GDPT 2018; có tinh thần trách nhiệm, ý thức tự học, tự bồi dưỡng và tích cực tham gia các phong trào thi đua chuyên môn.

- Nhà trường tạo điều kiện để giáo viên tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn, tập huấn chương trình giáo dục phổ thông, đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá, ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong giáo dục.

- Tuy nhiên, nhà trường còn gặp khó khăn về cơ cấu đội ngũ ở một số vị trí chuyên môn; đặc biệt còn thiếu giáo viên Âm nhạc theo định mức, ảnh hưởng nhất định đến việc tổ chức một số hoạt động giáo dục chuyên biệt.

7.2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học

- Nhà trường tiếp tục quan tâm đầu tư, sửa chữa, bổ sung cơ sở vật chất nhằm đáp ứng yêu cầu dạy học và thực hiện Chương trình GDPT 2018.

- Các phòng học cơ bản bảo đảm điều kiện tổ chức dạy học; hệ thống điện, nước, ánh sáng, quạt mát, bàn ghế học sinh được kiểm tra, sửa chữa thường xuyên nhằm bảo đảm an toàn, thuận lợi cho hoạt động dạy học.

- Thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định tiếp tục được rà soát, bổ sung; giáo viên tích cực khai thác, sử dụng thiết bị dạy học, đồ dùng trực quan, học liệu số nhằm nâng cao hiệu quả tổ chức hoạt động học cho học sinh.

- Nhà trường quan tâm đầu tư thiết bị phục vụ chuyển đổi số như máy tính, hệ thống mạng Internet, ti vi thông minh, máy chiếu và các thiết bị hỗ trợ dạy học; từng bước đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và ứng dụng CNTT trong giảng dạy.

- Tuy nhiên, điều kiện cơ sở vật chất tại một số khu vực còn hạn chế; trang thiết bị phục vụ giáo dục STEM, phòng học bộ môn, thiết bị công nghệ thông tin chưa thật sự đồng bộ; cơ sở vật chất phục vụ bán trú còn gặp khó khăn nhất định.

7.3. Công tác thư viện, thiết bị và học liệu giáo dục

- Nhà trường tiếp tục duy trì và phát huy hiệu quả hoạt động thư viện trường học theo hướng thân thiện, đáp ứng nhu cầu đọc sách, nghiên cứu và tự học của giáo viên, học sinh.

- Thư viện được bổ sung sách giáo khoa, sách tham khảo, sách kỹ năng sống, truyện thiếu nhi và tài liệu phục vụ đổi mới phương pháp dạy học; hệ thống thư viện lớp học, tủ sách dùng chung tiếp tục được duy trì và khai thác hiệu quả.

- Phong trào đọc sách, giới thiệu sách, video giới thiệu sách được duy trì thường xuyên, góp phần hình thành văn hóa đọc và phát triển năng lực tự học cho học sinh.

Công tác quản lý, bảo quản, khai thác thiết bị dạy học được thực hiện nền nếp; giáo viên tích cực sử dụng đồ dùng trực quan, thiết bị số và học liệu điện tử trong quá trình giảng dạy.

7.4. Công tác tài chính và xã hội hóa giáo dục

- Nhà trường thực hiện nghiêm túc các quy định về quản lý tài chính; bảo đảm công khai, minh bạch trong quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước, các nguồn kinh phí hợp pháp và nguồn xã hội hóa giáo dục theo quy định.



- Các khoản thu, chi trong nhà trường được thực hiện đúng hướng dẫn; bảo đảm nguyên tắc công khai, dân chủ và tạo sự đồng thuận của cha mẹ học sinh.

- Nhà trường tiếp tục tăng cường phối hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh, chính quyền địa phương và các tổ chức xã hội trong huy động nguồn lực hỗ trợ các hoạt động giáo dục, cải thiện cảnh quan trường lớp, hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn và nâng cao điều kiện dạy học.

- Công tác xã hội hóa giáo dục từng bước phát huy hiệu quả, góp phần bổ sung nguồn lực phục vụ các hoạt động trải nghiệm, giáo dục kỹ năng sống, văn hóa đọc và chăm lo cho học sinh.

7.5. Công tác kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia

- Nhà trường tiếp tục duy trì, củng cố và nâng cao chất lượng các tiêu chí trường đạt chuẩn quốc gia và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định.

- Công tác tự đánh giá được thực hiện thường xuyên; hồ sơ minh chứng được cập nhật, bổ sung kịp thời; các tiêu chí về đội ngũ, cơ sở vật chất, chất lượng giáo dục, quản lý nhà trường tiếp tục được rà soát nhằm duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chuẩn đã đạt được.

- Nhà trường chủ động xây dựng kế hoạch khắc phục những tồn tại, hạn chế về cơ sở vật chất, trang thiết bị và điều kiện tổ chức hoạt động giáo dục nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục trong giai đoạn tiếp theo.

7.6. Ưu điểm, hạn chế

a) Ưu điểm

- Các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục tiếp tục được quan tâm đầu tư, đáp ứng cơ bản yêu cầu thực hiện nhiệm vụ năm học và Chương trình GDPT 2018.

- Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học được duy trì, sửa chữa, khai thác hiệu quả; môi trường giáo dục an toàn, thân thiện được giữ vững.

- Công tác thư viện, thiết bị, xã hội hóa giáo dục có chuyển biến tích cực; sự phối hợp giữa nhà trường và cha mẹ học sinh ngày càng hiệu quả.

- Công tác kiểm định chất lượng giáo dục và duy trì trường chuẩn quốc gia được thực hiện nền nếp.

b) Hạn chế

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ dạy học, chuyển đổi số và giáo dục STEM còn có mặt hạn chế, chưa thật sự đồng bộ.

- Điều kiện phục vụ bán trú và một số khu vực chức năng còn khó khăn.

- Cơ cấu đội ngũ ở một số vị trí chuyên môn còn thiếu so với định mức, đặc biệt là giáo viên Âm nhạc.

c) Nguyên nhân

- Điều kiện ngân sách đầu tư cơ sở vật chất còn hạn chế; nhu cầu sửa chữa, nâng cấp ngày càng lớn.

- Một số thiết bị được trang cấp qua nhiều năm sử dụng đã xuống cấp.
- Việc bổ sung đội ngũ giáo viên theo định mức phụ thuộc vào chỉ tiêu biên chế của cấp trên.

8. Công tác thi đua, hội thi, sáng kiến

Trong năm học 2025-2026, nhà trường tiếp tục triển khai hiệu quả các phong trào thi đua theo hướng thiết thực, hiệu quả, gắn với nhiệm vụ đổi mới giáo dục, thực hiện Chương trình GDPT 2018 và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

Các phong trào thi đua được tổ chức bảo đảm công khai, dân chủ, đúng quy định; lấy hiệu quả thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, tinh thần trách nhiệm, đổi mới sáng tạo và chất lượng giáo dục làm tiêu chí đánh giá, bình xét thi đua.

8.1. Công tác tổ chức phong trào thi đua

- Ngay từ đầu năm học, nhà trường phát động các phong trào thi đua gắn với chủ đề năm học và nhiệm vụ trọng tâm của ngành; triển khai ký cam kết thi đua trong cán bộ, giáo viên, nhân viên; xây dựng tiêu chí đánh giá cụ thể đối với từng cá nhân, tổ chuyên môn và tập thể.

- Các phong trào thi đua trọng tâm được triển khai gồm:

- + Thi đua “Dạy tốt - Học tốt”;
- + Đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá;
- + Xây dựng trường học xanh - sạch - đẹp - an toàn;
- + Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong giáo dục;
- + Xây dựng môi trường giáo dục thân thiện, hạnh phúc;
- + Phong trào thi đua viết sáng kiến, làm thiết bị dạy học, xây dựng học liệu số.

- Các tổ chuyên môn duy trì nền nếp sinh hoạt, thao giảng, hội giảng, chuyên đề, dự giờ góp ý; tích cực chia sẻ kinh nghiệm chuyên môn, từng bước nâng cao chất lượng đội ngũ và hiệu quả thực hiện nhiệm vụ giáo dục.

8.2. Hội thi giáo viên dạy giỏi và phong trào đổi mới chuyên môn

- Nhà trường tổ chức Hội thi Giáo viên dạy giỏi cấp trường bảo đảm nghiêm túc, đúng quy định; tập trung đánh giá năng lực chuyên môn, kỹ năng tổ chức hoạt động học, đổi mới phương pháp dạy học và ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy.

- Giáo viên tham gia hội thi có sự đầu tư về kế hoạch bài dạy, đổi mới hình thức tổ chức lớp học, phát huy tính tích cực, chủ động của học sinh và tăng cường sử dụng thiết bị dạy học, học liệu số.

Kết quả, 14 giáo viên được công nhận danh hiệu Giáo viên dạy giỏi cấp trường, góp phần tạo động lực thi đua, lan tỏa tinh thần đổi mới và nâng cao chất lượng chuyên môn trong toàn trường.

Thông qua hội thi, nhiều tiết dạy hiệu quả, giải pháp tổ chức hoạt động học tích cực được chia sẻ, nhân rộng trong các tổ chuyên môn, góp phần nâng cao chất lượng dạy học và thực hiện hiệu quả Chương trình GDPT 2018.

8.3. Cuộc thi Thiết bị dạy học số và ứng dụng công nghệ trong giáo dục

- Nhà trường tiếp tục triển khai hiệu quả Cuộc thi Thiết bị dạy học số cấp trường, khuyến khích giáo viên phát huy tinh thần sáng tạo, thiết kế học liệu điện tử, video bài giảng, trò chơi học tập, bài giảng tương tác và các sản phẩm hỗ trợ dạy học phù hợp với học sinh tiểu học.

- Các sản phẩm tham gia dự thi cơ bản bảo đảm tính khoa học, tính giáo dục, tính thực tiễn và khả năng ứng dụng trong giảng dạy; góp phần thúc đẩy chuyển đổi số, đổi mới phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục.

Kết quả, 5 sản phẩm đạt giải Thiết bị dạy học số cấp trường, nhiều sản phẩm được sử dụng hiệu quả trong các tiết dạy, sinh hoạt chuyên môn và chia sẻ trong toàn trường.

- Phong trào thiết kế học liệu số bước đầu góp phần nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ của đội ngũ giáo viên; hình thành thói quen khai thác công cụ số, kho học liệu điện tử và trí tuệ nhân tạo (AI) phục vụ công tác giảng dạy.

8.4. Công tác nghiên cứu khoa học, viết sáng kiến

- Nhà trường tiếp tục duy trì và phát triển phong trào nghiên cứu khoa học, viết sáng kiến trong đội ngũ giáo viên nhằm nâng cao chất lượng giáo dục, đổi mới công tác quản lý và tổ chức dạy học.

- Giáo viên tích cực nghiên cứu thực tiễn giảng dạy, mạnh dạn đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả giáo dục, đổi mới phương pháp dạy học, ứng dụng CNTT, chuyển đổi số, giáo dục kỹ năng sống, hỗ trợ học sinh còn gặp khó khăn trong học tập và tổ chức các hoạt động giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường.

Kết quả: 11 sáng kiến được gửi Hội đồng khoa học cấp xã xem xét, đánh giá, công nhận hiệu quả áp dụng và khả năng nhân rộng tại cơ sở; 04 sáng kiến được lựa chọn tham gia dự thi cấp tỉnh.

Các sáng kiến cơ bản bảo đảm tính mới, tính thực tiễn và khả năng áp dụng trong công tác quản lý, giảng dạy; bước đầu góp phần nâng cao hiệu quả thực hiện nhiệm vụ giáo dục của nhà trường.

8.5. Kết quả thi đua tập thể, cá nhân

Phong trào thi đua trong nhà trường được triển khai nền nếp, hiệu quả; cán bộ, giáo viên, nhân viên tích cực hưởng ứng và tham gia các phong trào thi đua do ngành và địa phương phát động.

Với những thành tích đã đạt được, Ban thi đua nhà trường đề nghị Ban thi đua cấp trên xét duyệt và công nhận các danh hiệu thi đua của tập thể và cá nhân năm học 2025-2026:

a) Tập thể: Tập thể Lao động xuất sắc.

b) Cá nhân

- Lao động tiên tiến: 40 cán bộ, giáo viên, nhân viên;
- Chiến sĩ thi đua cơ sở: 08 cá nhân;
- Giấy khen của các cấp: 06 cá nhân.

Các kết quả thi đua góp phần tạo động lực phấn đấu trong đội ngũ, phát huy tinh thần trách nhiệm, đoàn kết, đổi mới sáng tạo và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG VÀ MỨC ĐỘ HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ NĂM HỌC

1. Đánh giá chung

Năm học 2025-2026, trong bối cảnh tiếp tục thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 và đẩy mạnh đổi mới giáo dục, Trường Tiểu học Xuân Ninh đã chủ động triển khai đồng bộ các nhiệm vụ năm học theo hướng dẫn của ngành; phát huy tinh thần đoàn kết, trách nhiệm, đổi mới, sáng tạo của đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; tranh thủ sự quan tâm chỉ đạo của các cấp quản lý giáo dục, cấp ủy, chính quyền địa phương và sự phối hợp của cha mẹ học sinh để hoàn thành cơ bản các mục tiêu, nhiệm vụ năm học đề ra.

- Nhà trường đã thực hiện nghiêm túc kế hoạch giáo dục; bảo đảm chương trình, nội dung dạy học theo quy định; tích cực đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyên đổi số trong quản lý và giảng dạy; nâng cao chất lượng giáo dục đại trà và giáo dục mũi nhọn.

- Chất lượng đội ngũ tiếp tục được củng cố; giáo viên tích cực tham gia bồi dưỡng chuyên môn, hội thi giáo viên dạy giỏi, thiết bị dạy học số, nghiên cứu khoa học và viết sáng kiến. Công tác sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học từng bước đi vào chiều sâu, góp phần nâng cao chất lượng dạy học.

- Các mô hình giáo dục như Thư viện thân thiện, trường học Xanh - sạch - đẹp - an toàn, giáo dục STEM, dạy học tăng cường Tin học, Tiếng Anh, hoạt động trải nghiệm và giáo dục kỹ năng sống tiếp tục được duy trì, phát huy hiệu quả và phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường.

- Hoạt động giáo dục toàn diện được quan tâm; học sinh tích cực tham gia các sân chơi trí tuệ, hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, STEM và các cuộc giao lưu cấp xã cấp tỉnh; nhiều học sinh đạt thành tích tốt, góp phần nâng cao vị thế và uy tín của nhà trường.

- Công tác chuyển đổi số có nhiều chuyển biến tích cực; giáo viên tích cực khai thác học liệu số, nền tảng dạy học trực tuyến, thực hiện kiểm tra đánh giá trên máy tính và bước đầu ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong hỗ trợ dạy học.

- Cơ sở vật chất, cảnh quan trường lớp tiếp tục được quan tâm đầu tư, sửa chữa; môi trường giáo dục an toàn, thân thiện, hạnh phúc được duy trì; công tác phối hợp giữa nhà trường - gia đình - xã hội ngày càng hiệu quả.

* Bên cạnh những kết quả đạt được, nhà trường vẫn còn một số khó khăn, hạn chế như:

- Chất lượng giáo dục giữa các lớp chưa thật sự đồng đều;
- Việc đổi mới phương pháp dạy học và ứng dụng công nghệ ở một số giáo viên chưa thật sự đồng bộ;
- Cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ giáo dục STEM, chuyển đổi số và hoạt động trải nghiệm còn hạn chế;
- Cơ cấu đội ngũ ở một số vị trí chuyên môn chưa bảo đảm theo định mức;
- Công tác phối hợp quản lý học sinh ngoài giờ học ở một số gia đình chưa thường xuyên.

2. Mức độ hoàn thành nhiệm vụ năm học

Căn cứ kết quả thực hiện các nhiệm vụ năm học 2025-2026 theo hướng dẫn của ngành, Trường Tiểu học Xuân Ninh cơ bản hoàn thành tốt nhiệm vụ năm học, trong đó nhiều nhiệm vụ đạt kết quả tích cực và có chuyển biến rõ nét.

Nhà trường đã hoàn thành các nhiệm vụ trọng tâm:

- Thực hiện Chương trình GDPT 2018 đúng kế hoạch;
- Đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá;
- Nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên;
- Thực hiện hiệu quả chuyển đổi số trong quản lý và dạy học;
- Duy trì chất lượng giáo dục toàn diện và giáo dục mũi nhọn;
- Tăng cường các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục;
- Duy trì môi trường giáo dục an toàn, thân thiện, hạnh phúc.

Những kết quả đạt được trong năm học là tiền đề quan trọng để nhà trường tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục, thực hiện hiệu quả nhiệm vụ đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục trong những năm học tiếp theo.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM HỌC 2026-2027

Căn cứ định hướng nhiệm vụ năm học của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo, Trường Tiểu học Xuân Ninh xác định một số nhiệm vụ trọng tâm năm học 2026-2027 như sau:

1. Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện

- Thực hiện hiệu quả Chương trình GDPT 2018, bảo đảm chất lượng dạy học và hoàn thành chương trình đúng tiến độ;
- Đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh;
- Thực hiện hiệu quả đánh giá học sinh tiểu học theo quy định;
- Nâng cao chất lượng giáo dục đại trà, giảm chênh lệch chất lượng giữa các lớp;

- Chú trọng phát hiện, bồi dưỡng học sinh có năng khiếu; hỗ trợ học sinh còn hạn chế về học tập.

2. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên

- Tăng cường bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng ứng dụng CNTT và chuyển đổi số cho đội ngũ giáo viên;

- Tiếp tục đổi mới sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học;

- Khuyến khích giáo viên tham gia nghiên cứu khoa học, viết sáng kiến, thiết kế học liệu số và ứng dụng AI trong dạy học;

- Phát huy hiệu quả các hội thi chuyên môn nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ.

3. Đẩy mạnh chuyển đổi số và ứng dụng CNTT

- Tiếp tục thực hiện chuyển đổi số trong quản lý, dạy học và kiểm tra đánh giá;

Nâng cao hiệu quả sử dụng nền tảng học tập trực tuyến, học liệu số và thiết bị công nghệ trong dạy học;

- Tăng cường giáo dục công dân số, kỹ năng số và an toàn trên môi trường mạng cho học sinh;

- Đẩy mạnh truyền thông giáo dục và kết nối giữa nhà trường với cha mẹ học sinh.

4. Tăng cường giáo dục kỹ năng sống và xây dựng môi trường giáo dục an toàn

- Đổi mới nội dung, hình thức tổ chức hoạt động trải nghiệm, giáo dục kỹ năng sống;

- Duy trì hiệu quả mô hình trường học xanh - sạch - đẹp - an toàn, thư viện thân thiện;

- Tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng tự bảo vệ, phòng chống bạo lực học đường, phòng chống tai nạn thương tích, đuối nước và an toàn giao thông;

- Xây dựng trường học hạnh phúc, môi trường giáo dục thân thiện, tích cực.

5. Tăng cường cơ sở vật chất và các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục

- Tiếp tục tham mưu đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu Chương trình GDPT 2018;

- Tăng cường thiết bị phục vụ chuyển đổi số, giáo dục STEM và hoạt động trải nghiệm;

- Nâng cao hiệu quả xã hội hóa giáo dục, huy động nguồn lực hỗ trợ các hoạt động giáo dục.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Đối với Sở Giáo dục và Đào tạo

- Tiếp tục tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ mới và AI trong giáo dục cho cán bộ quản lý, giáo viên;

- Hỗ trợ nguồn lực, thiết bị dạy học phục vụ triển khai Chương trình GDPT 2018, giáo dục STEM và chuyển đổi số;

- Tăng cường tổ chức các sân chơi trí tuệ, hoạt động giao lưu học sinh cấp xã, cấp tỉnh phù hợp với học sinh tiểu học.

2. Đối với cấp ủy, chính quyền địa phương

- Tiếp tục quan tâm đầu tư cơ sở vật chất, sửa chữa, nâng cấp các hạng mục trường lớp, khu chức năng, sân chơi bãi tập;

- Hỗ trợ nguồn lực xây dựng cảnh quan trường học xanh - sạch - đẹp - an toàn;

- Quan tâm bổ sung, điều chỉnh đội ngũ giáo viên còn thiếu theo định mức, đặc biệt đối với giáo viên các môn chuyên biệt;

Tạo điều kiện thuận lợi để nhà trường thực hiện tốt công tác xã hội hóa giáo dục.

Trên đây là Báo cáo tổng kết năm học 2025-2026 của Trường Tiểu học Xuân Ninh./.

Nơi nhận:

- Sở GDĐT Ninh Bình;
- Phòng VHXH Xuân Trường;
- Công thông tin ĐT;
- Lưu VT.





PHỤ LỤC

Tổng hợp kết quả năm học 2025 - 2026

TT	Nội dung	Kết quả	Ghi chú
1	Tổng số lớp	33 (Khu A: 17; Khu B: 16)	
2	Tổng số học sinh	1.077 (Khu A: 542; Khu B: 535)	
3	Hoàn thành CT lớp học	99,3%	
4	Hoàn thành CTTH lớp 5	100%	
5	HS khen thưởng danh hiệu học sinh	535	
6	Giáo viên dạy giỏi cấp trường	14	
7	Thiết bị dạy học số đạt giải cấp trường	05	
8	Sáng kiến được công nhận cấp xã	11	
9	Sáng kiến dự thi cấp tỉnh	4	
10	Số HS đạt giải cấp trường	269	
11	Số HS đạt giải cấp xã	16	
12	Số HS đạt giải cấp tỉnh	10	
13	Số HS được GCN cấp Quốc gia	25	